

Bản án số: 305/2019/HS-PT

Ngày: 16/7/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Liệt.

Các Thẩm phán:

1. Ông Bùi Đức Nam.

2. Ông Phan Thanh Nguyễn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 225/2019/HSPT ngày 29/5/2019 đối với bị cáo Lê Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn N, sinh năm 1986 tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: 306/14 Nguyễn Văn Lộc, khu phố C, phường C1, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thiên H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: 1./ Tại Bản án số 132/2007/HSST ngày 13/12/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 13 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; 2./ Tại Bản án số 103/2009/HSST ngày 26/6/2009 bị Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 32 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa: Luật sư Đỗ Ngọc Oánh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lê Văn N. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 08 giờ ngày 15/4/2015, Lê Văn N điều khiển xe máy biển số 61K1-002.11 chở Nguyễn Minh Tuyên từ Bình Dương đến khu vực ngã tư Tân Quy, huyện Củ Chi để mua ma túy về sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy, N và Tuyên điều khiển xe đến quán nước thuộc Ấp 1, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh và phát hiện xe máy hiệu Ware Alpha biển số 51Y5-5233 của Hồ Thanh Hải không người trông giữ nên N và Tuyên đã bàn bạc cùng nhau lén lút lấy trộm 01 xe máy hiệu Wave Alpha biển số 51Y5-5233 của Hồ Thanh Hải để bán lấy tiền tiêu xài, N lén lút tiến lại gần mở công tắc xe rồi tẩu thoát, còn Tuyên chưa kịp chạy thoát thì bị người dân bắt giữ lại giao cho Công an xã Tân Thạnh Tây.

Tại bản kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi ngày 03/6/2016 kết luận: 01 xe gắn máy biển số 51Y5-5233 trị giá 8.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Lê Văn N 02 (hai) năm tù, thời hạn từ tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/4/2019, bị cáo Lê Văn N có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Minh Tuyên bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, bị cáo Lê Văn N đã thừa nhận những hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo với lý do đã nhận thức được việc làm của mình là sai trái, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mức án đã tuyên là quá nặng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng các căn cứ pháp luật để xử phạt bị cáo Lê Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là chưa chính xác vì bị cáo phạm tội ngày 15/4/2015 nên phải áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 mới đúng. Tuy nhiên, thiếu sót này không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Xét sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo trong thời gian hợp lệ, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn hối cải mong

muốn được hội đồng xét xử xem xét cho hưởng án treo. Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tại phiên tòa bị cáo cũng không nêu thêm được tình tiết nào mới, mức án 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ và nhân thân của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Đỗ Ngọc Oánh trình bày bài bào chữa cho bị cáo Lê Văn N thống nhất với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo Lê Văn N không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: những lần phạm tội trước của bị cáo đã được xóa án tích, lần phạm tội này được xem là chưa có tiền án, tiền sự; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét tình tiết tài sản bị cáo chiếm đoạt tự bị cáo đã tìm cách trả lại cho bị hại, phạm tội thuộc trường hợp chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, bị cáo đang đi làm công nhân, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ cho bị cáo bị cáo một phần hình phạt để có điều kiện sớm hòa nhập xã hội, đi làm, chăm sóc cha mẹ, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Lê Văn N đồng ý với bài bào chữa của vị luật sư, không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được hòa nhập xã hội, có điều kiện đi làm nuôi sống bản thân và phụng dưỡng cha mẹ già yếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, bị cáo Lê Văn N đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Cụ thể: vào khoảng 08 giờ ngày 15/4/2015, sau khi cùng Nguyễn Minh Tuyến đi mua ma túy và sử dụng, trên đường về nhà, đến quán nước thuộc ấp 1, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, N và Tuyến phát hiện xe máy hiệu Ware Alpha biển số 51Y5-5233 của Hồ Thanh Hải không người trông

giữ nên nảy sinh ý định trộm để bán lấy tiền tiêu xài, N lén lút tiến lại gần mở công tắc xe rồi tẩu thoát, còn Tuyền chưa kịp chạy thoát thì bị người dân bắt giữ. Sau khi nghe tin Tuyền bị bắt, N đã đem xe gắn máy của Hồ Thanh Hải đến gửi tại bãi giữ xe Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình Dương, rồi báo cho Hải biết để đến nhận lại xe, cơ quan điều tra đã đến bãi giữ xe trên và thu giữ xe gắn máy trên. Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi ngày 03/6/2016 kết luận: 01 xe gắn máy biển số 51Y5-5233 trị giá 8.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ... nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 do bị cáo phạm tội vào ngày 15/4/2015. Tuy nhiên, tại thời điểm truy tố và xét xử Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật này và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì Điều luật 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có mức hình phạt cao nhất là 20 năm là thấp hơn so với mức hình phạt cao nhất của Điều luật 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, Điều luật 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có lợi hơn nên cần áp dụng để truy tố và xét xử với bị cáo, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về điều luật như trên là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và đã xem xét, đánh giá tính chất mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, từ đó xử phạt bị cáo với mức án 02 năm tù.

Tuy nhiên, ngoài tình tiết trên thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ đó là sau khi nghe tin Tuyền bị bắt, bị cáo đã đem xe gắn máy biển số 51Y5-5233 của Hồ Thanh Hải đến gửi tại bãi giữ xe Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình Dương, rồi báo cho Hải biết để đến nhận lại xe, cơ quan điều tra đã thu hồi được vật chứng là chiếc xe gắn máy trên và trả lại cho người bị hại từ năm 2015 nên phạm tội thuộc trường hợp chưa gây thiệt hại; về nhân thân những lần phạm tội trước của bị cáo chỉ thể hiện bị cáo bị xét xử 02 lần vào năm 2007 và năm 2009, các bản án này bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và hình phạt khác, đã được xóa án tích, lần phạm tội này được xem là chưa có tiền án, tiền sự; vụ án này đã xảy ra từ năm 2015 đến nay bị cáo không phạm tội khác và đang đi làm công nhân, chuẩn bị cưới vợ; đồng thời xét bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội và không có sự phân công, phân nhiệm cụ thể. Do đó, cần xem xét

thêm các tình tiết này theo điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Về kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, việc cho bị cáo được hưởng án treo sẽ không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm ở địa phương, chưa đảm bảo tính răn đe và ngăn ngừa tội phạm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo.

[4] Do chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn N, sửa bản án sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Lê Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành.

Bị cáo Lê Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|----------|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND Cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND TP. HCM; | (3) |
| - VKSND huyện Củ Chi; | (1) |
| - CC THA huyện Củ Chi; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - TAND huyện Củ Chi; | (2) |
| - Công an huyện Củ Chi; | (1) |
| - Phòng PC 53-CA TP.HCM; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (2) |
| - Sở tư pháp; | (1) |
| - Luật sư; | (1) |
| - Lưu, hình sự, hồ sơ | (20) (4) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Liệt